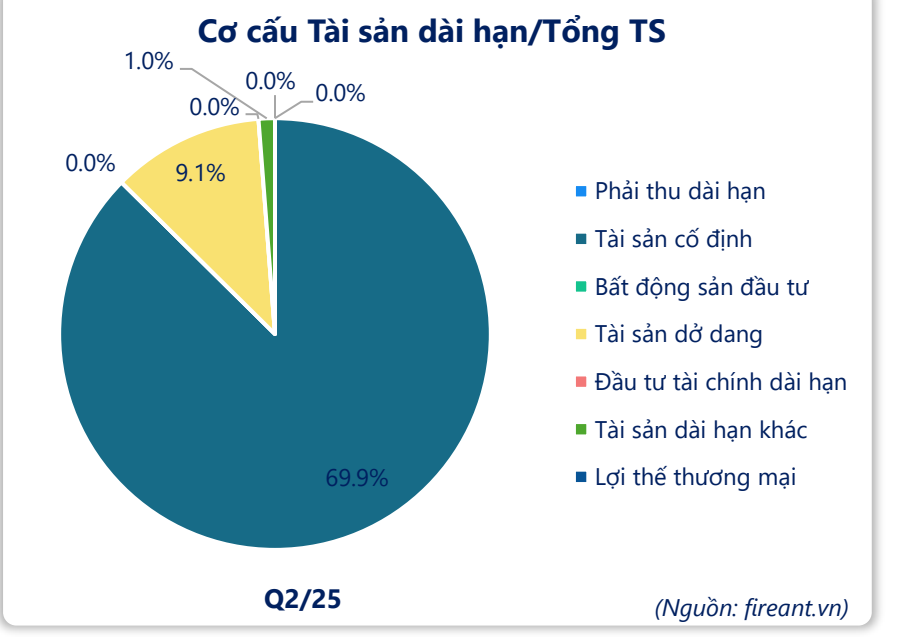
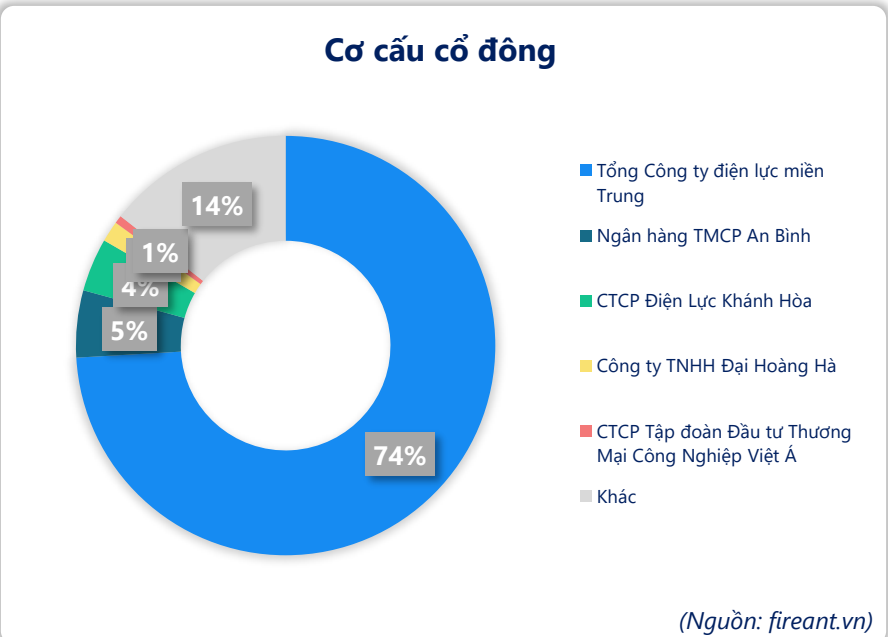
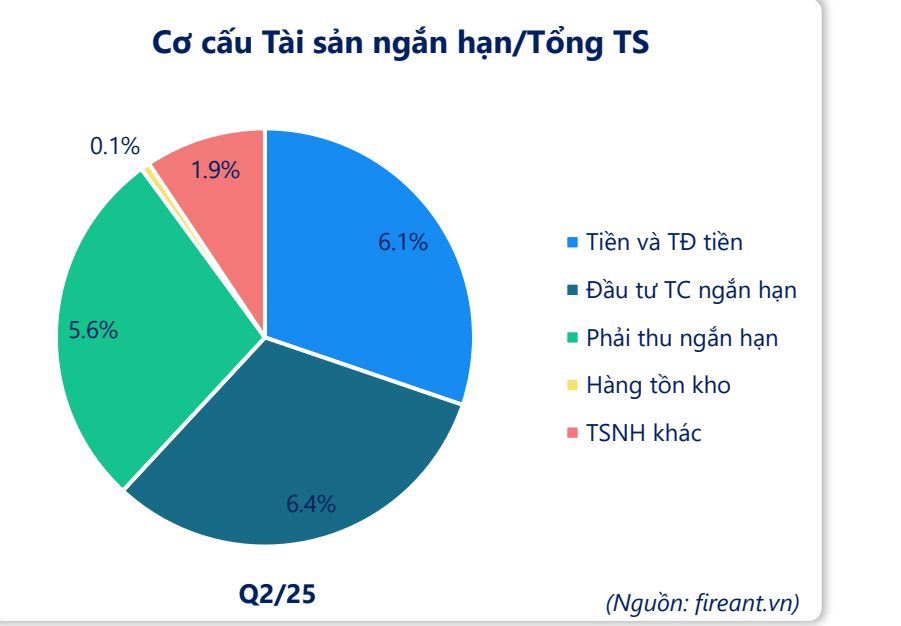
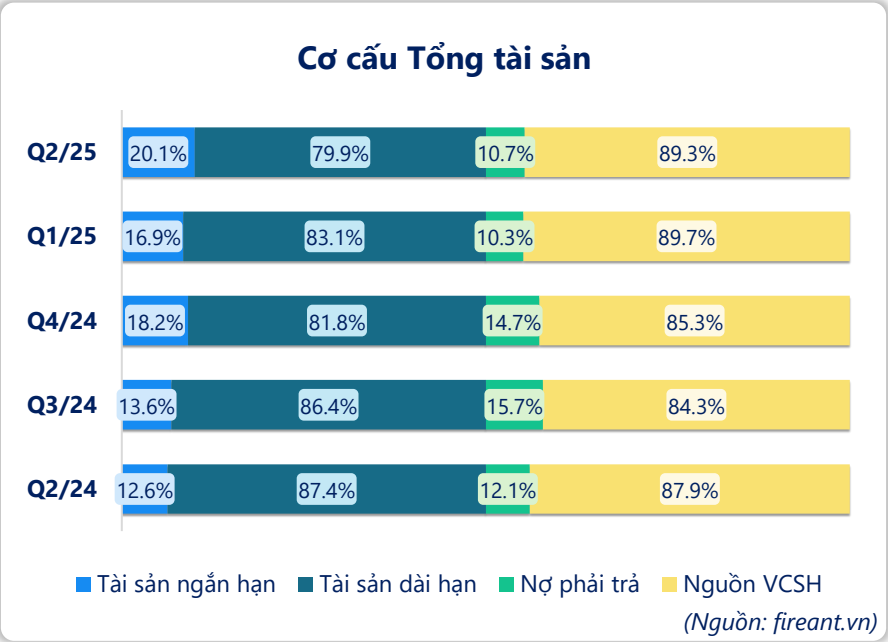
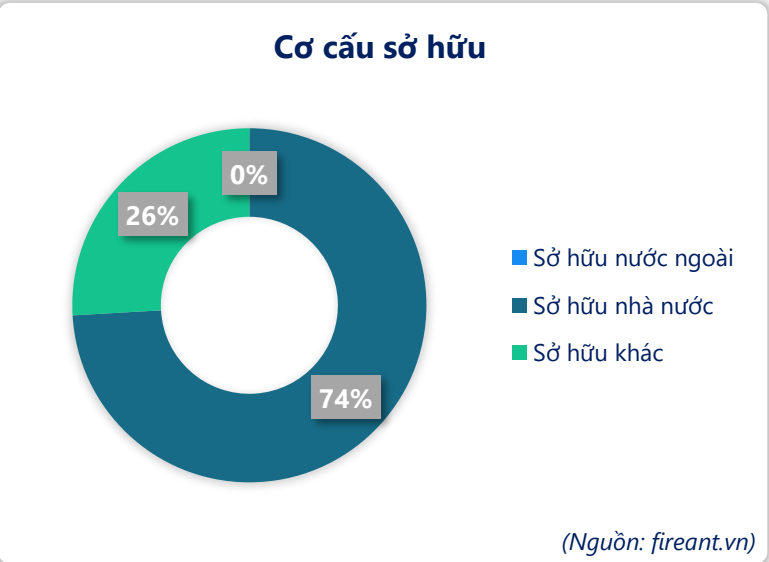
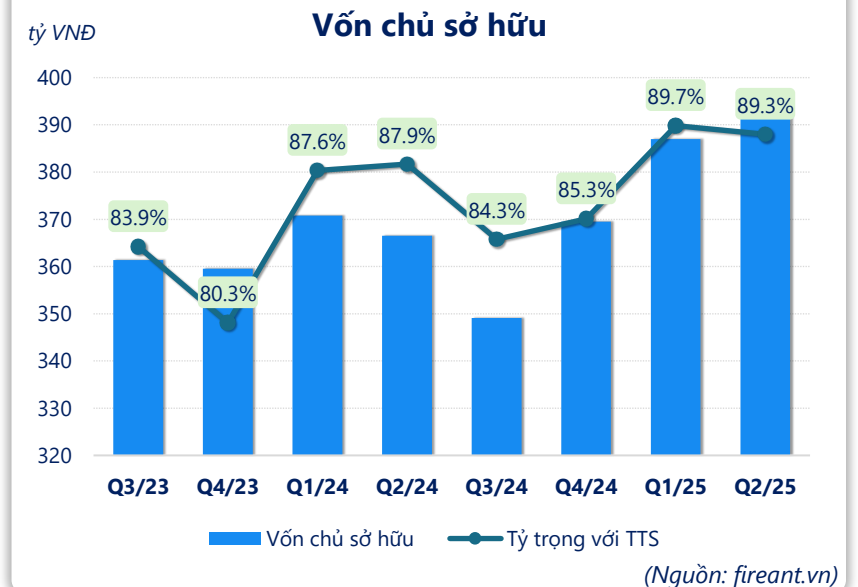
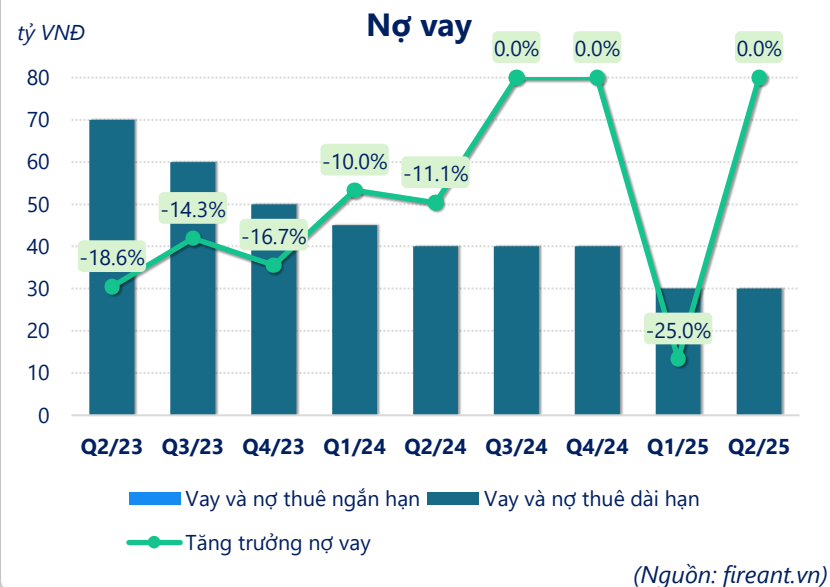
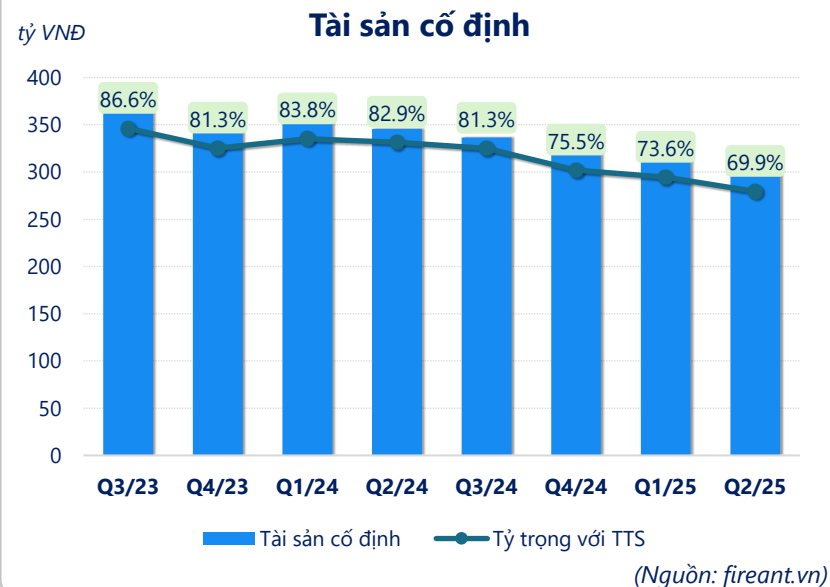
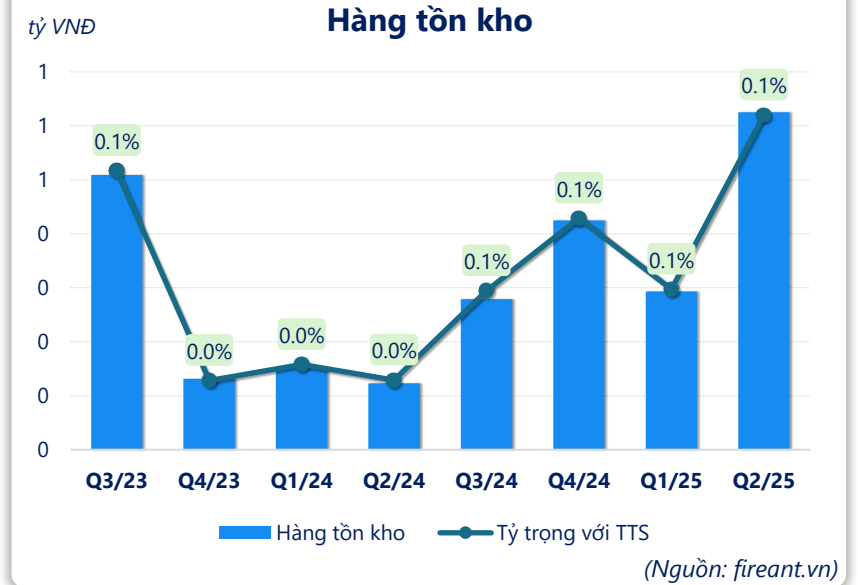
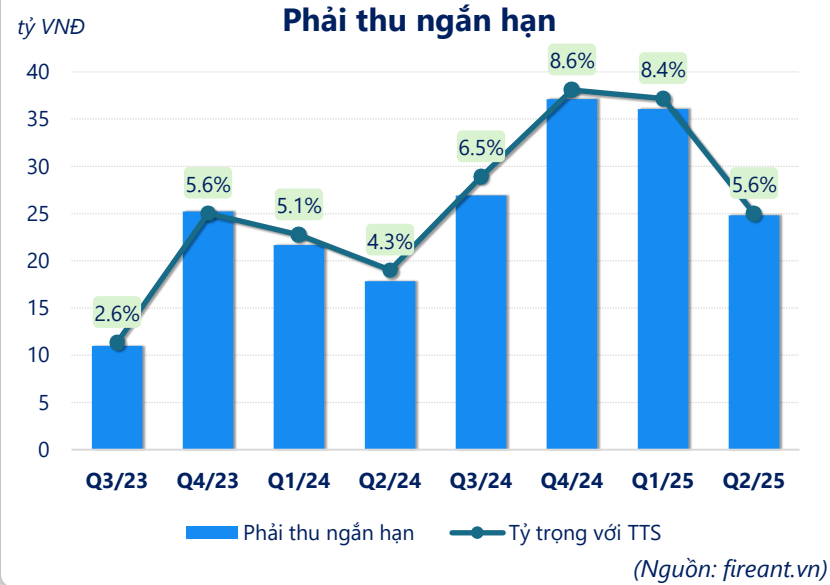
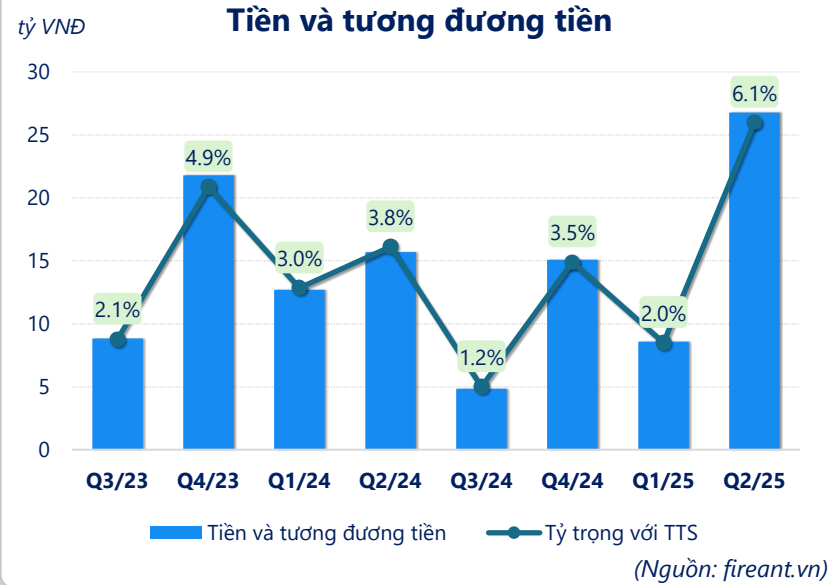
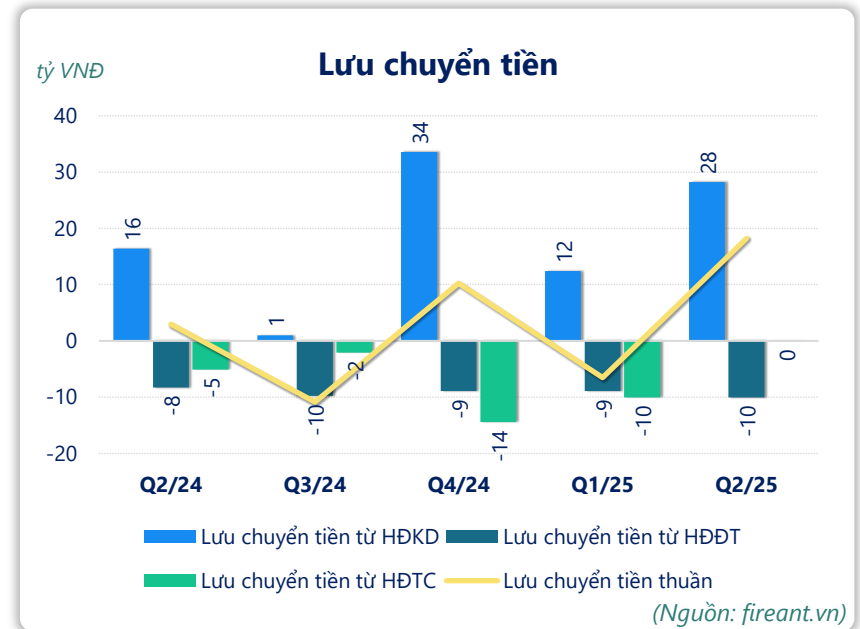
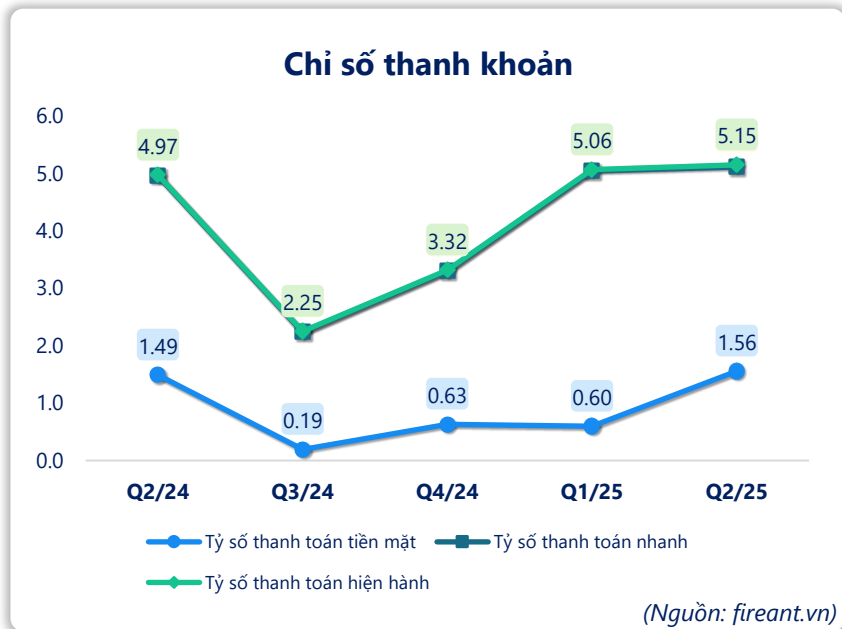
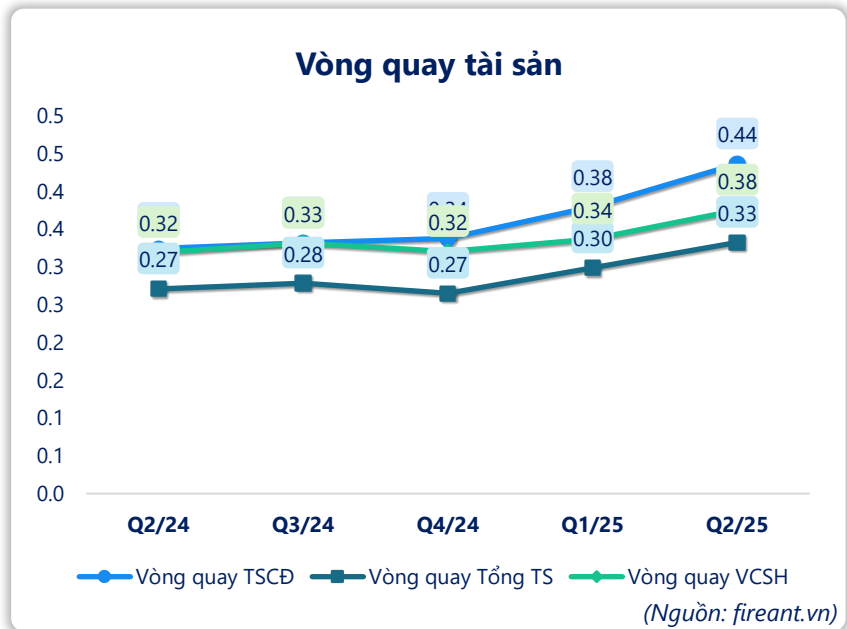
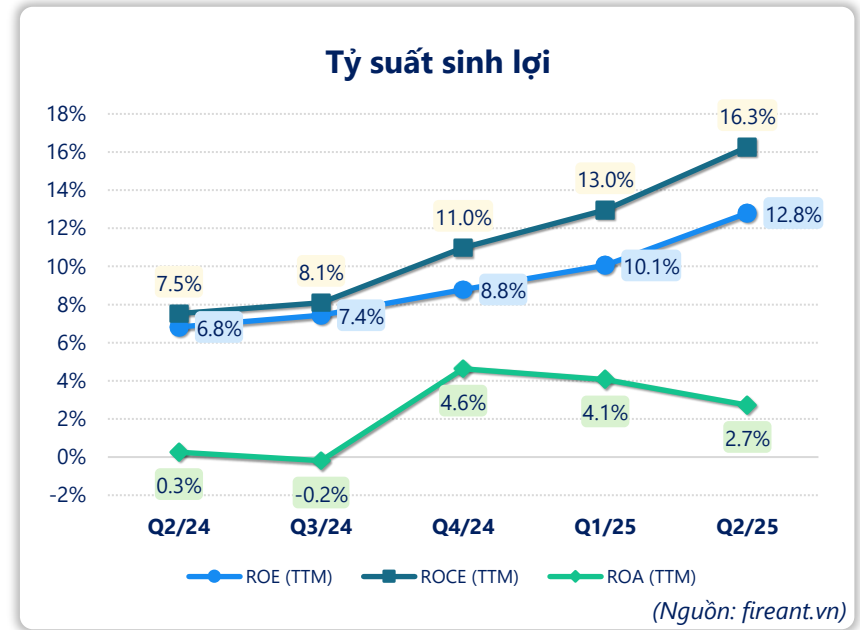
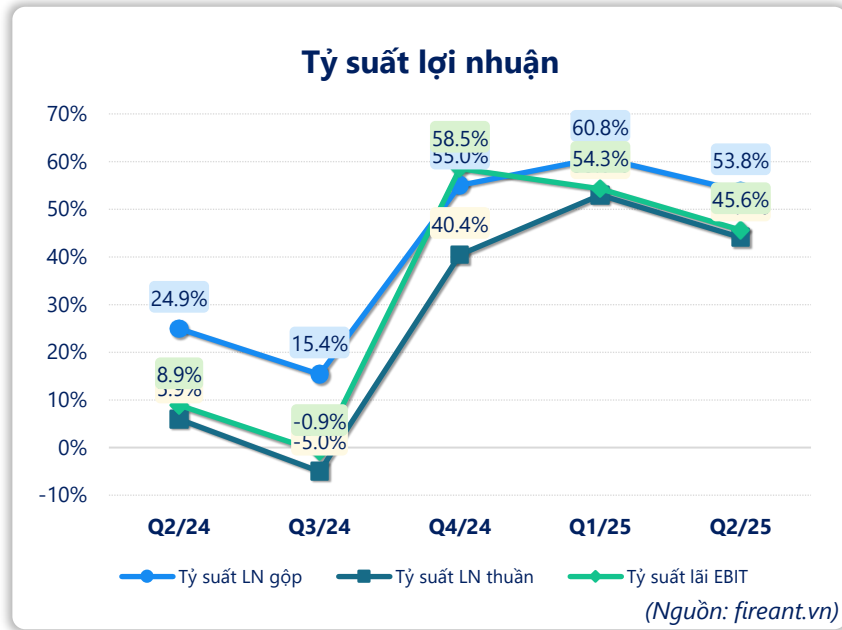
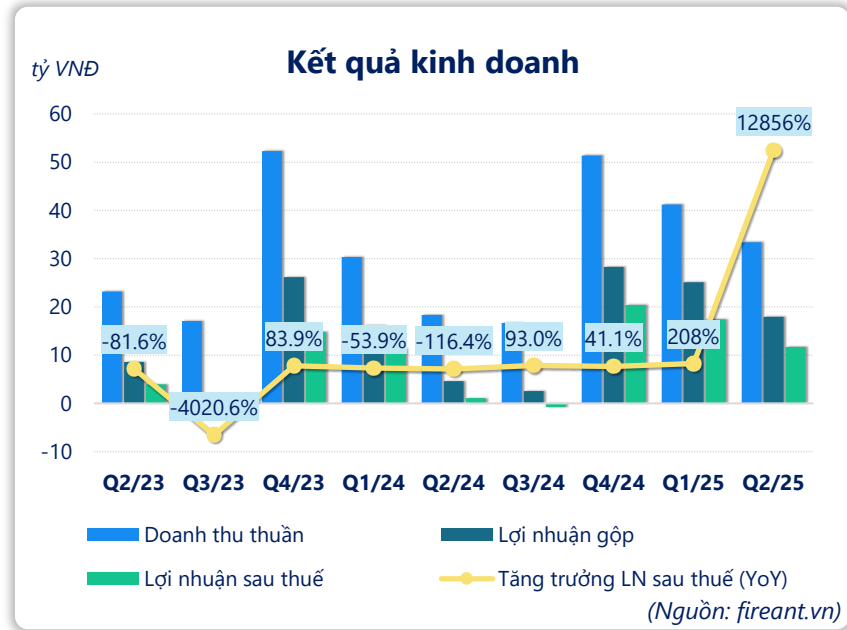


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		20,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		26,422
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		16,340
SL cổ phiếu LH		33,339,891
KLGD BQ 20 phiên (CP)		5,225
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		670
P/E		13.8
EPS		1,460

	YTD	1T	3T	6T
PIC	6.2%	-12.9%	-9.1%	4.6%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	441	433	1.8%
Tài sản ngắn hạn	88.5	79.0	12.0%
Tiền và tương đương tiền	26.8	15.1	77.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	28.0	20.0	40.1%
Phải thu ngắn hạn	24.8	37.1	-33.2%
Hàng tồn kho	0.63	0.42	47.3%
Tài sản ngắn hạn khác	8.28	6.38	29.9%
Tài sản dài hạn	353	354	-0.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	308	327	-5.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	40.1	22.3	80.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	4.30	4.77	-9.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	47.2	63.7	-25.8%
Nợ ngắn hạn	17.2	23.7	-27.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	3.28	1.08	203%
Nợ dài hạn	30.0	40.0	-25.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	30.0	40.0	-25.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	394	370	6.6%
Vốn chủ sở hữu	394	370	6.6%
Vốn điều lệ	333	333	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	18.3	16.6	51.4	41.2	33.4
Giá vốn hàng bán	13.8	14.1	23.1	16.2	15.4
Lợi nhuận gộp	4.57	2.56	28.3	25.1	18.0
Doanh thu HĐTC	0.16	0.16	0.07	0.19	0.28
Chi phí TC	0.55	0.69	0.73	0.54	0.51
Chi phí lãi vay	0.55	0.69	6.86	0.54	0.51
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	3.10	2.87	6.81	2.88	3.00
LN thuần từ HĐKD	1.09	-0.84	20.8	21.8	14.7
Lợi nhuận khác	0.00	0.00	2.43	0	-0.01
LN trước thuế	1.09	-0.84	23.2	21.8	14.7
Lợi nhuận sau thuế	1.11	-0.80	20.4	17.4	11.7
LNST của CĐ cty mẹ	1.11	-0.80	20.4	17.4	11.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	16.4	1.01	33.6	12.4	28.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-8.30	-9.79	-8.90	-8.89	-10.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-5.07	-2.07	-14.4	-10.0	-0.01
Tiền đầu kỳ	12.7	15.7	4.83	15.1	8.56
Lưu chuyển tiền thuần	3.00	-10.9	10.2	-6.51	18.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	15.7	4.83	15.1	8.56	26.8

(Nguồn: fireant.vn)